TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **268** /2024/HS-ST
Ngày: 06/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Công Hách**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Phùng
Bà Vũ Thị Mai

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trịnh Thị Hương - Cán bộ Toà án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Ninh - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 06/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 236/2024/HSST ngày 12/8/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2024 đối với:

1. Bị cáo: Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1978; Giới tính: Nữ; Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: P107 – A tập thể K, phường T, quận Đ, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Tham gia đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Nguyễn Công B (đã chết) và bà Nguyễn Thị H1 (đã chết); Chồng: Dương Văn K; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự : Không; Danh chỉ bản số 000****** do Công an quận Đ lập ngày 16/4/2024 ; Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 02/04/2024 đến ngày 11/04/2024. Hiện đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

2. Bị cáo: Phạm Anh T - Sinh năm: 1975; Giới tính: Nam; Nơi ĐKHKTT: 31 ngõ T, phường H, quận Đ, Hà Nội; Chỗ ở: T, phường T, quận T, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Tham gia đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Phạm Văn B1 và bà Nguyễn Thị T1; Vợ: Vũ Mai H2; Con: Bị cáo có 02 con sinh năm 1999 và 2019; Tiền án, tiền sự: không; Danh chỉ bản số 000000296 do Công an quận Đ lập ngày 16/4/2024; Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 02/04/2024 đến ngày 11/04/2024. Hiện đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

3. Bị cáo: Lê Thị Bích L - Sinh năm: 1961; Giới tính: Nữ; Nơi ĐKHKTT: T, phường B, quận T, Hà Nội; Chỗ ở: 7 ngách A T, phường T, quận Đ, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ học vấn: 10/10; Tham gia đảng phái, đoàn thể: Đảng viên (Kỷ luật cảnh cáo ngày 08/7/2024; Đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 23/8/2024 theo Quyết định số 75-QĐ/UBKTQU); Con ông: Lê Văn L1 và bà Nguyễn Thị N; Chồng: Phan Trọng T2; Bị cáo có 03 con sinh năm 1985, 1990 và 2002; Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 000****** do Công an quận Đ lập ngày 16/4/2024 ; Bị cáo tự thú, bị tạm giữ từ ngày 02/04/2024 đến ngày 11/04/2024. Hiện đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

4. Bị cáo: Nguyễn Nhất L2 - Sinh năm: 1973; Giới tính: Nam; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Số F ngõ B K, phường P, quận Đ, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Tham gia đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Nguyễn Mộng L3 (đã chết) và bà Lê Thị H3; Vợ: Lê Thị P; Con: Bị cáo có 02 con sinh năm 2019, 2020; Tiền án, tiền sự: không; Danh chỉ bản số 000****** do Công an quận Đ lập ngày 19/6/2024: Năm 1999 và năm 2002, bị đưa vào Cơ sở giáo dục về hành vi Sử dụng trái phép chất ma tuý; Bị cáo đầu thú ngày 04/06/2024. Hiện đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/4/2024, Lê Thị Bích L đến Công an phường T trình báo về việc bị một số đối tượng đến nhà chửi bới, đe doạ ép buộc trả tiền, cưỡng đoạt tài sản. Trong quá trình làm việc với cơ quan Công an, Lê Thị Bích L đã chủ động xin tự thú về hành vi đánh bạc dưới hình thức mua số lô, số đề với Phạm Anh T (sinh năm: 1975; trú tại: C ngõ T, phường H, quận Đ, Hà Nội), đồng thời tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại Iphone 6 màu vàng là điện thoại có lưu giữ các tin nhắn về việc mua lô đề giữa Lê Thị Bích L và Phạm Anh T. Ngay sau đó, Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập đối tượng Phạm Anh T đến trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Thị Bích L và Phạm Anh T khai nhận như sau: T và L thực hiện việc đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức ghi lô đề trên cơ sở so sánh các số lô, sô đề với kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng hàng ngày. Khi có nhu cầu mua số lô, số đề, L sẽ sử dụng tài khoản Zalo “Le Thi Bich L" đăng ký bằng số điện thoại 0********* nhắn tin các số lô, số đề cần mua kèm mức tiền đến tài khoản Z “Xuân Thắng" đăng ký bằng số điện thoại 0********* của T. Nếu đồng ý T sẽ nhắn tin lại xác nhận là “ok”. Theo thoả thuận, T bán cho L số lô là 22.500

đồng/ 01 điểm, khi trúng thưởng sẽ nhận được 80.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số T và L sẽ cùng tính toán và thanh toán thắng thua trực tiếp với nhau, tiện ở đâu thì thanh toán tiền mặt ở đó.

Ngày 14/03/2024, Lê Thị Bích L đã nhắn tin cho T mua các số lô: 79, 97 mỗi số 200 điểm, 33, 88 mỗi số 100 điểm, tổng cộng L đã mua 600 điểm lô của T. Kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết Miền Bắc ngày 14/03/2024 L không trúng thưởng. Cơ quan điều tra đã xác định trong ngày 14/3/2024, tổng số tiền đánh bạc của L và T là **13.500.000 đồng** (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Đối với các tin nhắn mua, bán số lô, số đề giữa L và T các ngày khác các bị can đã xóa hết, hiện không còn lưu giữ. Phạm Anh T khai nhận sau khi bán số lô, số đề cho Lê Thị Bích L, T giữ lại, không chuyển cho ai khác. Lời khai của Phạm Anh T phù hợp với lời khai của Lê Thị Bích L.

Ngoài hành vi đánh bạc với Lê Thị Bích L ra, T khai nhận: T còn thực hiện việc đánh bạc bằng hình thức ghi lô đề với Nguyễn Thị H (Sinh năm: 1978; địa chỉ: P A4, K, T, Đ, Hà Nội; tên gọi khác: N1) thông qua số điện thoại 0********* của H. Cụ thể: Ngày 01/4/2024, T sử dụng số điện thoại 0********* trực tiếp nhắn tin đến số điện thoại 0********* cho Nguyễn Thị H mua các số lô, số đề với tổng số 130 điểm lô, 765.000 đồng tiền đề và 500.000 đồng tiền xiên nháy tương đương với 130 x 21.700 đồng + 765.000 đồng + 500.000 đồng = 4.086.000 đồng. Sau khi quay giải thưởng, T trúng 40 điểm lô = 3.200.000 đồng. Tổng số tiền T đánh bạc với Nguyễn Thị H ngày 01/04/2024 là 7.286.000 đồng. (Bảy triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Số tiền T thu lời bất chính là: 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng). Cơ quan điều tra tiến hành triệu tập Nguyễn Thị H để làm việc, tại thời điểm triệu tập Cơ quan điều tra đã phát hiện và bắt quả tang H đang có hành vi tổng hợp số lô, số đề bán cho khách trong ngày tại nhà H ở địa chỉ P A4 K, phường T, quận Đ, Hà Nội. Tại Cơ quan Công an, Nguyễn Thị H khai nhận: H đang cư trú và bán quần áo tại P A4 K, phường T, Đ, Hà Nội. Hằng ngày ngoài việc bán quần áo tại nhà, từ khoảng 02/2024, H còn bán thêm số lô, số đề được thua bằng tiền với khách thông qua tin nhắn điện thoại. Cụ thể, khi khách có nhu cầu mua số lô, số đề thì chỉ cần nhắn tin đến số điện thoại 0********* của H, nếu đồng ý H sẽ nhắn lại xác nhận theo thứ tự từng tin nhắn là 1, 2, 3... cho đến hết. Sau khi có kết quả xổ số Miền Bắc, giữa H và khách sẽ tổng hợp tính thắng thua rồi thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt với nhau. Về tỉ lệ H bán số lô, số đề cho khách và tỉ lệ trúng thưởng như sau:

- Tỉ lệ bán số lô, số đề cho khách: Số lô x 21,7 có nghĩa một điểm lô là 21.700 đồng; Số đề x 72% có nghĩa khi khách mua 10.000 đồng số đề thì chỉ thu 7.200 đồng; Lô xiên x 60% có nghĩa khi khách mua 10.000 đồng tiền lô xiên thì thu 6.000 đồng;

Xiên nháy x 105% có nghĩa khi khách mua 100.000 đồng tiền lô xiên nháy thì phải trả thành 105.000 đồng.

- Tỉ lệ trúng thưởng như sau: Một điểm lô nếu trúng sẽ được 80.000 đồng; Số đề khi trúng sẽ gấp 70 lần; Lô xiên 2 gấp 10 lần; L4 xiên 3 gấp 40 lần; Lô xiên nháy giống lô xiên 2 gấp 10 lần. Hằng ngày H bán số lô, số đề cho khoảng 03 khách, tất cả các tin nhắn bản số lô, số đề cho khách, H đều xóa khỏi điện thoại sau khi đã thanh toán. Ngày nhiều H bán số lô, số đề với tổng số tiền khoảng 30.000.000 đồng, trong đó có ngày H thắng, có ngày thua, trung bình một ngày H hưởng lợi khoảng 500.000 đồng. Từ khi bắt đầu bán, nhận số lô, số đề H hưởng lợi khoảng 15.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định:

+ Ngày 01/04/2024, H mua bán lô đề với Phạm Anh T với tổng số tiền là 7.286.000 đồng. (Bảy triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Lời khai của Nguyễn Thị H phù hợp với lời khai của Phạm Anh T.

+ Ngày 02/04/2024 Nguyễn Thị H đã bán số lô, số đề cho 03 khách thông qua nhắn tin điện thoại với tổng số tiền là 39.237.000 đồng. (ba mươi chín triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng) bao gồm các khách: (1) Người nam giới tên L2 sử dụng số điện thoại 0********* mua số lô, số đề với tổng số tiền là 7.218.000 đồng; (2) Người phụ nữ tên H4 sử dụng số điện thoại 0********* mua số lô, số đề với tổng số tiền là: 19.485.000 đồng; (3) Người phụ nữ tên M sử dụng số điện thoại 0********* mua số lô, số đề với tổng số tiền là 12.534.000 đồng. H khai nhận, toàn bộ số lô, số đề bán cho khách H đều giữ lại và không chuyển bảng cho ai. Việc thanh toán số lô, số đề với khách đều thực hiện bằng tiền mặt vào ngày hôm sau, sau khi có kết quả mở thưởng, tiện ở đâu thanh toán ở đó. Hầu như không gặp gỡ trực tiếp mà nhờ người thanh toán hộ. Ngày 02/4/2024, H chưa nhận số tiền bán lô, bán đề của khách, H bị bắt quả tang khi chưa có kết quả mở thưởng.

Đối với số điện thoại 0********* là khách mua số lô, đề mà bị can H lưu trong danh bạ điện thoại là "A L5", Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và xác định chủ thuê bao là Nguyễn Nhất L2 (Sinh năm 1973, địa chỉ: Số F ngõ B K, phường P, quận Đ, Hà Nội). Triệu tập Nguyễn Nhất L2 lên làm việc, tại Cơ quan điều tra L2 đã chủ động xin đầu thú và khai nhận: Bản thân L2 là người đăng ký và sử dụng số điện thoại 0*********. Trong ngày 02/04/2024 L2 đã sử dụng số điện thoại 0********* nhắn tin đến số điện thoại 0********* của H mua các số lô, số đề gồm: Lô xiên quây 4: 18,81,13,31 – 62,26,18,81 – 13,31,62,26 mỗi bộ xiên quây 80.000 đồng; Số lô 62, 26 mỗi con 70 điểm: Số đề 05, 50, 02, 20 mỗi con 150.000 đồng; Số đề 30, 80, 29 mỗi con 100.000 đồng; Số đề 03, 08, 92 mỗi con 30.000 đồng; Bộ xiên quây 4: 05, 50, 39, 93 x 50.000 đồng. Tổng số tiền L2 mua số lô, số đề của H trong ngày 02/4/2024 là: 7.218.000 đồng (Bảy triệu, hai trăm mười tám nghìn đồng). Ngày 04/6/2024, Nguyễn

Nhất L2 đến Cơ quan điều tra đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của Nguyễn Thị H.

- Đối với số điện thoại 0********* là khách mua số lô, đề mà bị can H lưu trong danh bạ điện thoại là "H4". Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và xác định chủ thuê bao là Nguyễn Thị L6 (Sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình). Tại cơ quan công an Nguyễn Thị L6 khai: Hiện tại bà L6 đang làm ruộng tại xã Đ, huyện Đ, Thái Bình. Bản thân bà L6 không sử dụng, không đăng ký đứng tên cũng không cho ai mượn, thuê chứng minh nhân dân, căn cước công dân của mình để đăng ký số điện thoại 0*********. Bà L6 không quen biết Nguyễn Thị H, không mua số lô, số đề với H. Cơ quan điều tra đã tổ chức cho Nguyễn Thị H tiến hành nhận dạng đối với Nguyễn Thị L6 qua ảnh. Kết quả H khẳng định Nguyễn Thị L6 không phải là người khách tên H4 sử dụng số điện thoại 0********* nhắn tin mua số lô, số đề của H vào ngày 02/04/2024. Vì không đủ căn cứ chứng minh Lụa có hành vi đánh bạc nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với Nguyễn Thị L6.

- Đối với số điện thoại 0********* là khách mua số lô, đề mà H lưu trong danh bạ điện thoại là "C M". Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và xác định chủ thuê bao là Nguyễn Vân A1 (Sinh năm 1983, địa chỉ: Số A đường L, T, phường D, thành phố B, Bắc Giang). Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với Nguyễn Vân A1, tại cơ quan công an chị Vân A1 cho biết: Hiện tại chị Vân A1 đang làm công việc tự do và sinh sống tại phường D, thành phố B, Bắc Giang. Bản thân chị Vân A1 không sử dụng, không đăng ký đứng tên cũng không cho ai thuê, mượn chứng minh nhân dân, căn cước công dân của mình để đăng ký số điện thoại 0*********. Chị Vân A1 không quen biết Nguyễn Thị H, không mua số lô, số đề với H. Cơ quan điều tra đã tổ chức cho Nguyễn Thị H tiến hành nhận dạng đối với Nguyễn Vân A1 qua ảnh. Kết quả H khẳng định chị Nguyễn Vân A1 không phải là người khách tên M sử dụng số điện thoại 0********* nhắn tin mua số lô, số đề của H vào ngày 02/04/2024. Vì không đủ căn cứ chứng minh Nguyễn Vân A1 có hành vi đánh bạc nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với Nguyễn Vân A1.

Vật chứng của vụ án

Cơ quan Công an đã lập biên bản tạm giữ những đồ vật, tài liệu của:

- Nguyễn Thị H: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu vàng hồng, đã qua sử dụng, có gắn sim 0*********, imei 358**********;

- Phạm Anh T: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mi màu đen, đã qua sử dụng, có gắn sim 0*********;

- Lê Thị Bích L: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, đã qua sử dụng, có gắn sim 0*********;

- Nguyễn Nhất L2: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, đã qua sử dụng, có gắn sim 0*********.

Xét thấy các điện thoại trên là tang vật chứng vụ án, Cơ quan điều tra đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự quận Đ để đảm bảo xét xử và thi hành án.

Tại bản cáo trạng số 237/CT-VKSĐĐ ngày 08/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội Tổ chức đánh bạc theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Lê Thị Bích L, Phạm Anh T, Nguyễn Nhất L2 về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách là từ 24 đến 30 tháng

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Phạm Anh T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách là từ 18 đến 24 tháng

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,r,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47 Bộ luật Hình sự

Xử phạt Lê Thị Bích L từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách là từ 12 đến 18 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47 Bộ luật Hình sự

Xử phạt Nguyễn Nhất L2 từ 08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách là từ 18 đến 20 tháng.

Vật chứng: Tịch thu sung quỹ các điện thoại di động thu giữ của các bị cáo do có liên quan đến hành vi phạm tội.

Buộc các bị cáo T phải truy nộp số tiền thu lời bất chính 16.700.000 đồng

Bị cáo H phải truy nộp số tiền thu lời bất chính 15.886.000 đồng.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với bản Cáo trạng và Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa. Các bị cáo nhận thức và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội

và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi: Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bản Kết luận điều tra số: 275/KL-ĐCSHS ngày 11/7/2024. Do đó HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Thị H đã có hành vi Tổ chức đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề để tính thắng thua bằng tiền với khách tại nhà của H ở địa chỉ P A4 K, phường T, Đ, Hà Nội, trong các ngày 01/04/2024 và 02/04/2024 với tổng số tiền H tổ chức đánh bạc là: 46.523.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi ba nghìn đồng). Cụ thể:

Ngày 01/04/2024, H sử dụng điện thoại lắp sim số 0********* nhắn tin để bán số lô, số đề cho T thông qua số điện thoại 0********* với số tiền: 7.286.000 đồng (Bảy triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Ngày 02/04/2024, Nguyễn Thị H bán số lô, số đề cho 03 khách với tổng số tiền đánh bạc là 39.237.000 đồng (ba mươi chín triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Ngày 14/03/2024, Phạm Anh T đã có hành vi đánh bạc với Lê Thị Bích L bằng hình thức mua bán số lô, số đề qua mạng xã hội zalo với tổng số tiền đánh bạc là 13.500.000 đồng (Mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng).

Ngày 01/4/2024, Phạm Anh T mua số lô, số đề của Nguyễn Thị H với số tiền là: 7.286.000 đồng (Bảy triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Ngày 14/3/2024, Lê Thị Bích L có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua số lô, số đề với số tiền là: 13.500.000 đồng (Mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng).

Ngày 02/4/2024, Nguyễn Nhất L2 có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua số lô, số đề của Nguyễn Thị H với số tiền là: 7.218.000 đồng (Bảy triệu, hai trăm mười tám nghìn đồng). Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị H đã phạm vào tội Tổ chức đánh bạc. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1, Điều 322 Bộ luật

Hình sự. Hành vi nêu trên của các bị cáo Lê Thị Bích L, Phạm Anh T, Nguyễn Nhất L2 đã phạm vào tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, là nơi tập trung đông người qua lại. Các bị cáo đều là những người lao động nhưng không tu chí làm ăn mà rủ nhau đánh bạc. Hiện nay nhà nước nghiêm cấm đánh bạc được thua bằng tiền dưới mọi hình thức, bản thân các bị cáo đủ nhận thức biết được hành vi đánh bạc là vi phạm nhưng vẫn tham gia sát phạt lẫn nhau. Do đó cần có hình phạt nghiêm đủ để giáo dục các bị cáo thành người có ích và đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung.

Trong vụ án này có tính chất giản đơn, do đó cần phân hoá vai trò của từng bị cáo để xem xét hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Vai trò của các bị cáo: Bị cáo H có hành vi tổ chức đánh bạc đối với bị cáo T và bị cáo L2 thu lời bất chính số tiền 15.886.000 đồng nên xếp vai trò đầu. Bị cáo T tham gia đánh bạc nhiều lần đối với bị cáo L, bị cáo H. Tổng số tiền thu lời bất chính 16.700.000 đồng. Bị cáo L tham gia đánh bạc với số tiền 13.500.000 đồng. Bị cáo L2 tham gia đánh bạc với số tiền 7.218.000 đồng nên cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo đều khai báo thành khẩn, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu tiên bị đưa ra xét xử có nơi cư trú rõ ràng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã chủ động nộp lại số tiền thu lời bất chính 14.504.000 đồng (bị cáo còn phải truy nộp nốt số tiền thu lời bất chính còn lại là 1.382.000 đồng). Đây là căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo L chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội tự thú, do đó áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, r, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phạm Anh T chưa có tiền án tiền sự tuy nhiên bị cáo đã phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú, tỏ ra ăn năn, hối cải, khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã chủ động nộp lại toàn bộ số tiền thu lời bất chính 16.700.000 đồng. Đây là căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Nhất L2 chưa có tiền án, tiền sự. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét sau khi phạm tội, bị cáo đã tỏ ra ăn năn, hối cải, khai báo thành khẩn, bị cáo đã ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là lao động chính trong gia đình do đó áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Xét thấy các bị cáo H, T, L, L2 không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự là phù hợp, thể hiện được chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

[5] Vật chứng thu giữ của vụ án: Tịch thu sung quỹ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu vàng hồng, đã qua sử dụng, có gắn sim của bị cáo Nguyễn Thị H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mi màu đen, đã qua sử dụng, có gắn sim của bị cáo Phạm Anh T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, đã qua sử dụng, có gắn sim của bị cáo Lê Thị Bích L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, đã qua sử dụng, có gắn sim của bị cáo Nguyễn Nhất L2.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị H** phạm tội **"Tổ chức đánh bạc";** Bị cáo **Phạm Anh T, Lê Thị Bích L, Nguyễn Nhất L2** phạm tội **" Đánh bạc"**

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H 12** (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo .Thời hạn thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về UBND phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của bản án. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm khoản 1 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Anh T 09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về UBND phường T, quận T, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của bản án. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, r khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Bích L 06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về UBND phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của bản án. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Nhất L2 06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về UBND phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của bản án. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333, Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải truy nộp số tiền 15.886.000 đồng là tiền thu lời bất chính để sung quỹ nhà nước. Xác nhận bị cáo Nguyễn Thị H đã nộp số tiền 14.504.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ theo biên lai thu tiền số 0019363 ngày 05/9/2024. Bị cáo còn phải tiếp tục truy nộp số tiền thu lời bất chính là 1.382.000 đồng.

+ Buộc bị cáo Phạm Anh T phải truy nộp số tiền thu lời bất chính là 16.700.000 đồng để sung quỹ nhà nước. Xác nhận bị cáo Phạm Anh T đã nộp đủ số tiền

16.700.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ theo biên lai thu tiền số 0019364 ngày 05/9/2024.

Về xử lý Vật chứng: Tịch thu sung quỹ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu vàng hồng, đã qua sử dụng, có gắn sim, không kiểm tra chất lượng và nội dung bên trong; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mi màu đen, đã qua sử dụng, có gắn sim không kiểm tra chất lượng và nội dung bên trong; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, đã qua sử dụng, có gắn sim, không kiểm tra chất lượng và nội dung bên trong; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, đã qua sử dụng, có gắn sim, không kiểm tra chất lượng và nội dung bên trong.

Các vật chứng nói trên hiện đang lưu tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đ theo biên bản giao nhận vật chứng số 284 ngày 21/08/2024.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Đống Đa;
- Công an quận Đ;
- Chi cục THADS quận Đ;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TRẦN CÔNG HÁCH